

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÙ
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HS-ST
Ngày 16 - 3 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HUNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Sỹ Thái và ông Nguyễn Văn Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HS ngày 02/3/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn S, sinh năm 2000; nơi sinh và đăng ký HKTT: Thôn T, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S1 và bà Lê Thị T1; vợ, con; Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bắt, tạm giam ngày 20/12/2020, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

- Người bào chữa của bị cáo Sự: Ông Phạm Đức L - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

- Bị hại: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1991; trú tại: thôn C, thị trấn T2, huyện P, tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

- Người có quyền lợi liên quan vụ án: Chị Trần Thị H2, sinh năm 1993 (vợ anh Đ); trú tại: thôn C, thị trấn T2, huyện P, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

- Người làm chứng: Anh Trần Kim C1 (T3), sinh năm 1987; trú tại: Thôn T4, thị trấn T2, huyện P, tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 10/12/2020, Nguyễn Văn S cùng anh Trần Kim C1 (tên khác là: T3) đến sửa chữa, lắp đặt cửa nhôm cho gia đình anh Trần Văn Đ.

Trong lúc anh C1 làm việc, do S mới chỉ là người đi học nghề nên S đi vào phòng ngủ của vợ chồng anh Đ thì phát hiện có 01 con lợn bằng nhựa màu vàng (loại thường dùng đựng tiền tiết kiệm) đặt trong giỏ đựng quần áo trẻ em. S nghĩ trong con lợn đó có tiền và nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, nhưng lúc đó trong phòng ngủ của anh Đ có anh Nguyễn Văn T5 ở thôn K, xã Đ1, huyện P, tỉnh Hưng Yên là thợ sửa tủ đang làm việc nên S đi sang phòng khác thăm dò, quan sát. Khi thấy anh T5 đi sang phòng khác sửa tủ, lợi dụng không có ai trong phòng ngủ, S liền đi vào gian bếp của nhà anh Đ gần đó lấy 01 con dao trở lại phòng ngủ của vợ chồng anh Đ. Sau đó, S cầm con dao tay trái còn tay phải cầm con lợn nhựa và dùng mũi dao rạch một đường ở bụng con lợn rồi thò tay móc toàn bộ số tiền trong con lợn cho vào hai túi quần S đang mặc và đặt con lợn tại chỗ cũ, con dao mang lại gian bếp để. Sau khi lấy được tiền, S đi bộ ra đường thuê xe taxi của một người đàn ông không quen biết chở S đến tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ Q để lần trốn. Trong số tiền lấy được của gia đình anh Đ, S đã trả tiền taxi 1.500.000 đồng, trả tiền sửa xe mô tô để trả cho bạn là 2.730.000 đồng, mua 01 điện thoại Vivo màu xanh giá 2.990.000 đồng, mua 01 sim điện thoại 70.000 đồng, đặt cọc tiền thuê phòng nghỉ của nhà nghỉ Q là 1.000.000 đồng, khi vào trong phòng nghỉ S bỏ hết số tiền lấy của anh Đ ra đếm còn lại là 25.300.000 đồng, tại phiên tòa S khai trên đường đến nhà nghỉ có mua 01 bao thuốc là hết 10.000 đồng. Như vậy tổng cộng số tiền Nguyễn Văn S xác định lấy trong con lợn nhựa của nhà anh Đ là 33.600.000 đồng. Sau khi đã vào thuê phòng nghỉ, S có cho chủ nhà nghỉ Q vay 2.000.000 đồng (trong tổng số tiền lấy được của anh Đ), mua thẻ nạp vào điện thoại để chơi điện tử, đưa tiền cho bạn mua ma túy về sử dụng, đến ngày 16/12/2020 khi S đang ở nhà nghỉ Q thì bị lực lượng chức năng phát hiện, triệu tập làm việc và quản lý của S số tiền còn lại là 6.750.000 đồng và 01 điện thoại Vivo màu xanh.

Quá trình điều tra, anh Trần Văn Đ tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 con lợn nhựa màu vàng phía dưới bụng bị rạch một đường và 01 con dao có cán bằng gỗ màu xám. Ngày 29/12/2020 chị Vũ Kim K1 chủ nhà nghỉ Q đã nộp cho cơ quan điều tra quản lý 2.000.000 đồng trước vay của S.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn S tại nhà nghỉ Q, Công an huyện Phù Cừ có văn bản cùng tài liệu liên quan gửi đến Công an thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn S theo thẩm quyền.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Văn Đ và chị Trần Thị H2 yêu cầu Nguyễn Văn S phải bồi thường số tiền trong con lợn bị mất là 47.600.000 đồng và giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Cáo trạng số: 05/CT-VKSPC ngày 04/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên truy tố Nguyễn Văn S về Tội trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố hành vi phạm tội của bị cáo S theo nội dung Cáo trạng; đồng

thời đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 106, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điều 584, 585, 589, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo; trách nhiệm dân sự: Buộc Nguyễn Văn S phải bồi thường cho anh Trần Văn Đ 33.600.000 đồng, được trừ số tiền 8.750.000 đồng và 01 điện thoại + 01 sim (trị giá 3.060.000 đồng) quản lý của S cộng bằng 11.800.000 đồng, nên S phải bồi thường tiếp cho anh Đ số tiền là còn lại 21.790.000 đồng. Trả lại cho anh Đ 01 con dao, tịch thu cho tiêu hủy 01 con lợn nhựa đã bị rách; về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn S phát biểu quan điểm: Nhất trí về tội danh, điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo S như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, sống ở vùng sâu vùng xa và gia đình thuộc hộ nghèo nên giảm nhẹ hơn mức hình phạt do đại diện viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa và miễn cho bị cáo S tiền án phí hình sự, dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn S nhận tội, khai báo thành khẩn diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo như hành vi phạm tội của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ truy tố theo cáo trạng. Bị cáo S nhất trí với quan điểm bào chữa của trợ giúp viên pháp lý và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình, xã hội. Tại phiên tòa bị cáo S xác định số tiền chiếm đoạt của anh Đ trong con lợn nhựa tại cơ quan điều tra bị cáo khai còn thiếu 10.000 đồng do bị cáo lấy ra mua 01 bao thuốc lá, nên chính xác tổng số tiền bị cáo lấy được của gia đình anh Đạt là 33.600.000 đồng và bị cáo xin chịu trách nhiệm về tổng số tiền này. Về phần bồi thường bị cáo S đồng ý đối trừ số tiền cơ quan điều tra đã quản lý của bị cáo, tiền do chủ nhà nghỉ nộp và điện thoại + sim điện thoại để trả lại anh Đ, số tiền còn thiếu bị cáo có trách nhiệm bồi thường sau khi được ra trại.

Bị hại anh Trần Văn Đ xác định lời khai của bị cáo S tại phiên tòa là đúng về vị trí để con lợn bên trong có tiền, dao ở bếp; riêng về khoản tiền theo vợ chồng anh nhớ bỏ vào lợn khoảng 47.600.000 đồng, nhưng không có giấy tờ kiểm đếm để chứng minh. Nay cơ quan pháp luật xác định số tiền bị cáo S chiếm đoạt là 33.600.000 đồng vợ chồng anh đồng ý. Tại phiên tòa, anh Đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và yêu cầu bị cáo S phải bồi thường anh toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt được. Anh Đ đồng ý nhận khoản tiền cơ quan Công an huyện Phù Cừ đã thu giữ, quản lý của bị cáo và chiếc điện thoại + sim tính bằng giá tiền bị cáo khai khi mua để đối trừ vào số

tiền bị cáo phải bồi thường cho anh. Đối với vật chứng Công an thu giữ, anh Đ xin nhận lại 01 con dao, còn con lợn nhựa không có giá trị đề nghị tiêu hủy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Cù, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo S, bị hại, người có quyền lợi liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của Nguyễn Văn S tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo trước cơ quan điều tra và phù hợp đơn trình báo, lời khai của bị hại anh Trần Văn Đ, lời khai của người có quyền lợi liên quan chị Trần Thị H2 (vợ anh Đ) và lời khai người làm chứng anh Trần Kim C1 (T3); đồng thời phù hợp biên bản xác định hiện trường, vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ ngày 10/12/2020, tại nhà ở của vợ chồng anh Trần Văn Đ ở thôn C, thị trấn T2, huyện P, tỉnh Hưng Yên, bị cáo Nguyễn Văn S lợi dụng là người học việc đi theo anh C1 (T3) là thợ nhôm kính đến nhà anh Đ để sửa chữa cửa nhôm. Do không phải làm việc nên S đã đi vào các phòng của nhà anh Đ quan sát, khi phát hiện trong phòng ngủ của vợ chồng anh Đ có 01 con lợn nhựa để ở giỏ đựng quần áo trẻ em, bị cáo S cầm xem phát hiện trong con lợn có tiền nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. S đợi khi anh T5 thợ sửa tủ trong phòng ngủ của anh Đ đã sửa xong đi ra ngoài và S đã vào gian bếp nhà anh Đ cạnh đó lấy 01 con dao rồi vào phòng ngủ của anh Đ, lợi dụng vắng người S đã dùng con dao rạch bụng con lợn nhựa và lấy đi toàn bộ số tiền có trong con lợn nhựa bỏ vào túi quần đi ra đường đón xe Taxi bỏ trốn. Căn cứ kết quả điều tra chỉ có cơ sở kết luận số tiền Nguyễn Văn S chiếm đoạt của vợ chồng anh Trần Văn Đ là 33.590.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo khai thêm khoản tiền mua bao thuốc lá 10.000 đồng, cộng số tiền S chiếm đoạt của anh Đ là 33.600.000 đồng. Đối với anh Đ, chị H2 xác định số tiền để trong con lợn nhựa bị mất là 47.600.000 đồng, tuy nhiên không có căn cứ chứng minh và tại phiên tòa anh Đ có ý kiến nhất trí về khoản tiền bị cáo S chiếm đoạt của vợ chồng anh như cơ quan pháp luật kết luận là 33.600.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn S là người có đủ năng lực trách

nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo thực hiện như phân tích đã có đủ dấu hiệu cấu thành Tội trộm cắp tài sản. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên truy tố Nguyễn Văn S về Tội trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo S là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Trong vụ án này bị cáo là người độc lập thực hiện tội phạm, mặc dù tuổi đời còn trẻ đã nghiện ma túy, khi đi theo học nghề không chịu học mà đi dò la, để ý chủ nhà có tài sản sơ hở để chiếm đoạt lấy tiền chi tiêu hưởng lợi cá nhân. Vì vậy, cần phải xét xử nghiêm minh, áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt thỏa đáng và cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian cần thiết để trừng trị, cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và làm bài học răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Văn S không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo S đều có thái độ khai báo thành khẩn, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo chưa có gia đình riêng, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn S chiếm đoạt gây thiệt hại về tài sản của bị hại nên phải chịu trách nhiệm bồi thường cho vợ chồng anh Trần Văn Đ toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt là 33.600.000 đồng; được trừ số tiền Cơ quan điều tra đã thu giữ sẽ trả bị hại là 8.750.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo + sim Vinaphone trị giá 3.060.000 đồng, cộng bằng 11.810.000 đồng. Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải bồi thường cho vợ chồng anh Trần Văn Đ số tài sản còn thiếu là 21.790.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, bị cáo chậm thi hành khoản bồi thường phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[8]. Biện pháp tư pháp:

- Giao trả vợ chồng anh Trần Văn Đ, sinh năm 1991; trú tại: thôn C, thị trấn T2, huyện P, tỉnh Hưng Yên số tiền 8.750.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh + sim Vinaphone và 01 con dao cán bằng gỗ màu xám.

- 01 con lợn nhựa màu vàng phía dưới bụng bị rạch không có giá trị, cho tịch thu tiêu hủy.

[9]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn S là người bị kết án và bồi thường dân sự nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Không chấp nhận đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý vì bị cáo Nguyễn Văn S không có đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn S phạm Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 106, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điều 357, 468, 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 20/12/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo S.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải bồi thường cho vợ chồng anh Trần Văn Đ, sinh năm 1991; trú tại: thôn C, thị trấn T2, huyện P, tỉnh Hưng Yên tổng số tài sản bị chiếm đoạt là 33.600.000đ, (ba mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng), được trừ vào khoản tiền 8.750.000 đồng thu giữ của bị cáo S và chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo + sim Vinaphone trị giá 3.060.000 đồng, nên bị cáo Nguyễn Văn S còn phải bồi thường tiếp cho vợ chồng anh Trần Văn Đ là 21.790.000đ, (hai mươi một triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án dân sự có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền bồi thường thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Biện pháp tư pháp:

- Giao trả vợ chồng anh Trần Văn Đ, sinh năm 1991; trú tại: thôn C, thị trấn T2, huyện P, tỉnh Hưng Yên số tiền 8.750.000đ, (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng - số tiền này đang gửi tại kho bạc), 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh + sim Vinaphone (điện thoại và sim trị giá 3.060.000 đồng) và 01 con dao cán bằng gỗ màu xám.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 con lợn nhựa màu vàng phía dưới bụng bị rách.

(Chi tiết về số lượng, chất lượng, đặc điểm, tình trạng vật chứng được mô tả cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/02/2021 giữa Công an huyện Phù Cừ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ).

Án phí: Bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm 1.089.500đ, (một triệu không trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm xét xử công khai có mặt bị cáo, bị hại, vắng mặt người có quyền lợi liên quan vụ án; đã báo cho bị cáo, bị hại biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho người có quyền lợi liên quan vụ án biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo S;
- Bị hại: Anh Đ;
- NCQLNVLQ: Chị H2;
- TAND tỉnh Hưng Yên (phòng KTNV);
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Phù Cừ;
- CQĐT & VP CA huyện Phù Cừ;
- CQTHA Hình sự & THA dân sự huyện Phù Cừ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Hiền